TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG
Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Võ Thị Thanh Xuân
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS, ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn Văn L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn V, xã Y, thành phố Hải Phòng (Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương cũ) – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C – Luật sư Phan Văn Cảnh thuộc Đoàn luật sư Đắk Nông; Địa chỉ: Tổ 2, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 7, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông cũ) – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đoàn Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị S kết hôn năm 1987, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng). Hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay sắp đặt gì. Sau thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống nên thường xuyên mâu thuẫn, chửi bới, làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài nên xin được ly hôn với chị S.

Về con chung: Có 03 con chung nhưng hiện các con đã trưởng thành, lập gia đình và không bệnh tật gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Tôi và anh L về chung sống với nhau từ năm 1987 có đăng ký kết hôn đến năm 2009 anh L bỏ về Hải Dương sinh sống và đã có vợ khác. Qúa trình chung sống có mâu thuẫn, anh L thường đánh và chửi mắng. Năm 2010 tôi có đề nghị ly hôn với anh L, tôi báo cáo với các cụ trong họ nhưng anh L và các cụ không đồng ý. Do mâu thuẫn đã lâu nay anh L yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung nhưng đã trưởng thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu

Về nợ chung: Tôi và anh L có nợ nhưng tôi đã tự làm và trả nợ. Nhưng bao nhiêu năm vất vả nuôi con nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết nợ chung. Đơn yêu cầu và tài liệu chứng cứ tôi sẽ nộp cho Tòa án sau.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn L đối với chị Nguyễn Thị S. Về con chung: Có 03 con chung nhưng đã trưởng thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu. Về nợ chung: Quá trình giải quyết chị Sen không có đơn yêu cầu nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đoàn Văn L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị S. Chị Sen có nơi cư trú tại Thôn 7, xã T, tỉnh Lâm Đồng (Thôn 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông cũ). Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị S đã được tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị S vắng mặt không có lý do. Qúa trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị S chung sống với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ năm 2009. Tại Biên bản ghi lời khai chị S cho rằng giữa chị và anh L có nhiều mâu thuẫn, anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Tuy nhiên quá trình giải quyết chị S vắng mặt không có lý do tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoài giải nên Tòa án không tiến hành hoài giải được. Như vậy vợ chồng anh L chị S không còn sống chung với nhau từ năm 2009. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Đối chiếu với quy định trên, lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận đã không còn sống chung từ năm 2009, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn L đối với chị Nguyễn Thị S

[4]. Về con chung: Con chung đã trưởng thành hiện khỏe mạnh, không bệnh tật gì nên không đề cập

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

[6]. Về nợ chung: Xét thấy theo Biên bản ghi lời khai chị S đề nghị Tòa án giải quyết nợ chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết chị S không có đơn yêu cầu nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Anh Đoàn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn L đối với chị Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

2. Về án phí: Anh Đoàn Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008933, ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7-Lâm Đồng;
- UBND xã Y, tp Hải Phòng;
(nơi đương sự đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm